

23. Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2019

	Ước tính tháng 6 năm 2019	Ước tính 6 tháng đầu năm 2019	Tháng 6 năm 2019 so với tháng 5 năm 2019 (%)	Tháng 6 năm 2019 so với cùng kỳ năm trước (%)	6 tháng đầu năm 2019 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.153,30	1.161,01	6.947,04	100,84	102,61
Đường bộ	1.153,30	1.161,01	6.947,04	100,84	102,61
Đường sắt					
Đường thủy					
Hàng không					
II. Luân chuyển (Triệu HK.km)	138,511	139,528	840,386	101,37	103,12
Đường bộ	138,511	139,528	840,386	101,37	103,12
Đường sắt					
Đường thủy					
Hàng không					
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	270,95	273,71	1.652,84	102,78	103,22
Đường bộ	270,95	273,71	1.652,84	102,78	103,22
Đường sắt					
Đường thủy					
Hàng không					
II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)	18,397	18,638	112,389	100,65	102,19
Đường bộ	18,397	18,638	112,389	100,65	102,19
Đường sắt					
Đường thủy					
Hàng không					